TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 7 – 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sĩ Hùng.

2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc Q, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp Sở T, xã Thạnh P, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Hoàng K, sinh năm 1995; Địa chỉ: đường Kinh Xáng Bạc L, khóm 6, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Ngọc Q và anh Bùi Hoàng K chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng đến năm 2017, mới đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Q trình bày là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống và điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung, chị Q và anh K chung sống với nhau có 01 người con là Bùi Minh Tiến, sinh ngày 15/10/2017. Hiện con đang chung sống với chị Q. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Q khai không có.

Đối với anh Bùi Hoàng K, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Bùi Hoàng K đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân, chị Lê Ngọc Q và anh Bùi Hoàng K chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy anh K đã được triệu tập hợp lệ, song anh vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, anh không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của chị Q. Cho nên, lời trình bày của chị Q về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định không còn tình cảm với anh K, nếu Toà án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không chung sống với anh K.

Xét thấy, với mâu thuẫn chị Q trình bày có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa chị với anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Q về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung, chị Q có yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh K cấp dưỡng, riêng anh K không có ý kiến gì về yêu cầu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc dù, anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh đã biết được nội dung yêu cầu của chị Q tuy nhiên, anh không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho anh K nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi tại tòa, chị Q xác định chị có đủ điều kiện nuôi dạy con. Do đó, yêu cầu của chị Q về con là có căn cứ, được chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Dù rằng, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Q cho rằng có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh K cấp dưỡng – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của chị Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị Q khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Ngọc Q về việc xin ly hôn anh Bùi Hoàng K.

- Về con chung là Bùi Minh Tiến, sinh ngày 15/10/2017, hiện đang chung sống với chị Lê Ngọc Q. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Hoàng K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Lê Ngọc Q khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Ngọc Q phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 15/4/2022, chị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001175 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân